

# VPB – Lợi nhuận tăng trưởng mạnh với chất lượng tài sản cải thiện so với quý trước – Báo cáo KQKD

Phân tích doanh nghiệp • 29/10/2024

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) công bố KQKD 9 tháng đầu năm 2024 với lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất đạt 13,9 nghìn tỷ đồng (+67% YoY), hoàn thành 77% dự báo cả năm của chúng tôi. LNTT hợp nhất quý 3/2024 đạt 5,2 nghìn tỷ đồng (+16% so với quý trước (QoQ); +67% YoY). Nhìn chung, lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2024 cao hơn nhẹ so với kỳ vọng của chúng tôi nhờ chi phí dự phòng và chi phí hoạt động thấp hơn dự kiến, cho thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- Tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ đạt 10,6% (tăng trưởng cho vay đạt 13,9%) trong 9 tháng đầu năm 2024. Tính đến quý 3/2024, số dư trái phiếu doanh nghiệp tại ngân hàng mẹ giảm 60% so với năm 2023 và chiếm 1,7% tổng dư nợ tín dụng.
- Tăng trưởng tiền gửi hợp nhất đạt 7,6% trong 9 tháng đầu năm 2024. Tỷ lệ CASA đạt 14,1% (-3,8 điểm phần trăm QoQ; -2,7 điểm phần trăm YoY) trong quý 3/2024.
- NIM hợp nhất đạt 5,93% (+44 điểm cơ bản YoY) trong 9 tháng đầu năm 2024, so với dự báo cả năm của chúng tôi là 6,03%. NIM hợp nhất đạt 5,85% (-32 điểm cơ bản QoQ; +89 điểm cơ bản YoY) trong quý 3/2024. Ngoài ra, tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của VPB lần lượt đạt 82,3% và 24,6% trong quý 3/2024.
- Thu nhập ngoài lãi (NOII) giảm 6% YoY trong 9 tháng đầu năm 2024, phù hợp với dự báo của chúng tôi. NOII đạt 2,9 nghìn tỷ đồng (-22% QoQ; +20% YoY) trong quý 3/2024 chủ yếu nhờ sự phục hồi mạnh mẽ từ việc thu hồi các khoản nợ xấu đã xử lý bằng dự phòng.
- Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) đạt 23,6% trong 9 tháng đầu năm 2024, thuộc mức thấp trong danh mục theo dõi của chúng tôi, và chi phí hoạt động thấp hơn nhẹ so với dự báo (hoàn thành 70% dự báo cả năm của chúng tôi), một phần nhờ chi phí nhân viên giảm 3% YoY.
- Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ Nhóm 2 giảm so với quý trước. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất đạt 4,81% (-27 điểm cơ bản QoQ; -93 điểm cơ bản YoY) trong quý 3/2024. Tỷ lệ nợ Nhóm 2 trên tổng dư nợ đạt 7,06% (-77 điểm cơ bản QoQ; -97 điểm cơ bản YoY) trong quý 3/2024.
- Chúng tôi ước tính danh mục cho vay của FEC trong quý 3/2024 tương đối đi ngang trong 3 quý gần đây, ở mức khoảng 62 nghìn tỷ đồng (đóng góp khoảng 10% vào danh mục cho vay hợp nhất quý 3/2024 của VPB). VPB cho biết hoạt động giải ngân của FEC đã phục hồi, với khối lượng giải ngân 9 tháng đầu năm 2024 gần bằng cả năm 2023. Chúng tôi ước tính tỷ lệ nợ xấu của FEC đã giảm xuống khoảng 16% trong quý 3/2024 (so với mức khoảng 20% trong quý 2/2024). Ngoài ra, ngân hàng cho biết FEC đem lại gần 300 tỷ đồng lợi nhuận trong quý 3/2024. Sự phục hồi của FEC cũng phù hợp với dự báo của chúng tôi (lỗ trước thuế 9 tháng đầu năm 2024 ước hơn 500 tỷ đồng so với dự báo LNTT năm 2024 của chúng tôi là 131 tỷ đồng).

- Chi phí dự phòng tăng 13% YoY trong 9 tháng đầu năm 2024, hoàn thành 69% dự báo cả năm của chúng tôi. Chi phí dự phòng giảm 26% QoQ trong quý 3/2024. Mặc dù chất lượng tài sản cải thiện so với quý trước, nhưng các chỉ số nợ xấu hiện tại của VPB vẫn ở mức cao, cho thấy khả năng chi phí tín dụng tăng trong các quý tới. Tỷ lệ bao phủ nợ (LLR) hợp nhất đạt 50,7% (+2,6 điểm phần trăm QoQ; +8,0 điểm phần trăm YoY) trong quý 3/2024.

Hình 1: KQKD hợp nhất 9 tháng đầu năm 2024 của VPB

Tỷ đồng	9T 2023	9T 2024	YoY	Q3 2023	Q3 2024	YoY
Thu nhập lãi ròng (NII)	27.133	35.887	32,3%	8.837	12.156	37,6%
Thu nhập ngoài lãi	9.269	8.723	-5,9%	2.422	2.913	20,3%
Chi phí HĐKD (OPEX)	(10.296)	(10.549)	2,5%	(3.195)	(3.751)	17,4%
LN từ HĐKD trước dự phòng	26.106	34.062	30,5%	8.067	11.321	40,3%
Chi phí dự phòng	(17.827)	(20.201)	13,3%	(4.950)	(6.125)	23,7%
LNST sau lợi ích CĐTS	8.022	11.161	39,1%	2.428	4.173	71,9%
Tăng trưởng cho vay **	19,0%	12,2%	-6,8 điểm phần trăm	6,7%	1,8%	-5,0 điểm phần trăm
Tăng trưởng tiền gửi **	39,0%	7,6%	-31,5 điểm phần trăm	8,7%	0,9%	-7,8 điểm phần trăm
NIM	5,49%	5,93%	44 điểm cơ bản	4,95%	5,85%	89 điểm cơ bản

Lợi suất tài sản	11,36%	9,71%	-165 điểm cơ bản	10,83%	9,43%	-140 điểm cơ bản
Chi phí huy động	6,69%	4,53%	-216 điểm cơ bản	6,65%	4,26%	-239 điểm cơ bản
Tỷ lệ CASA *	16,8%	14,1%	-2,7 điểm phần trăm	16,8%	14,1%	-2,7 điểm phần trăm
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi kỳ hạn bằng ngoại tệ	17,0%	14,5%	-2,5 điểm phần trăm	17,0%	14,5%	-2,5 điểm phần trăm
Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR)	28,3%	23,6%	-4,6 điểm phần trăm	28,4%	24,9%	-3,5 điểm phần trăm
Nợ xấu/Tổng dư nợ	5,74%	4,81%	-93 điểm cơ bản	5,74%	4,81%	-93 điểm cơ bản
Nợ Nhóm 2/Tổng dư nợ	8,03%	7,06%	-97 điểm cơ bản	8,03%	7,06%	-97 điểm cơ bản
Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	1,11%	0,99%	-12 điểm cơ bản	1,11%	0,99%	-12 điểm cơ bản

Nguồn: VPB, Vietcap – \*Tỷ lệ CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi ký quỹ; \*\*Tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong quý 3/2023 và quý 3/2024 là mức tăng trưởng so với quý trước; tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong 9 tháng đầu năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 là mức tăng trưởng trong 9 tháng.

## Hình 2: KQKD ngân hàng mẹ 9 tháng đầu năm 2024 của VPB

Tỷ đồng	9T 2023	9T 2024	YoY	Q3 2023	Q3 2024	YoY
Thu nhập lãi ròng (NII)	18.555	26.364	42,1%	6.054	9.113	50,5%
Thu nhập ngoài lãi	6.835	5.733	-16,1%	1.848	1.452	-21,4%
Chi phí HĐKD (OPEX)	(6.734)	(7.717)	14,6%	(2.068)	(2.648)	28,0%
LN từ HĐKD trước dự phòng	18.656	24.379	30,7%	5.837	7.921	35,7%
Chi phí dự phòng	(7.683)	(11.327)	47,4%	(2.761)	(3.361)	21,7%
LNST sau lợi ích CĐTS	8.779	10.462	19,2%	2.461	3.640	47,9%
Tăng trưởng cho vay **	25,5%	13,9%	-11,6 điểm phần trăm	8,7%	2,4%	-6,3 điểm phần trăm
Tăng trưởng tiền gửi **	37,5%	7,5%	-30,0 điểm phần trăm	9,0%	0,8%	-8,2 điểm phần trăm
NIM	4,06%	4,63%	56 điểm cơ bản	3,65%	4,65%	100 điểm cơ bản
Lợi suất tài sản	9,78%	8,30%	-148 điểm cơ bản	9,40%	8,18%	-122 điểm cơ bản

Chi phí huy động	6,38%	4,34%	-204 điểm cơ bản	6,39%	4,14%	-225 điểm cơ bản
Tỷ lệ CASA *	17,2%	14,7%	-2,6 điểm phần trăm	17,2%	14,7%	-2,6 điểm phần trăm
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi kỳ hạn bằng ngoại tệ	17,5%	15,0%	-2,4 điểm phần trăm	17,5%	15,0%	-2,4 điểm phần trăm
Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR)	26,5%	24,0%	-2,5 điểm phần trăm	26,2%	25,1%	-1,1 điểm phần trăm
Nợ xấu/Tổng dư nợ	3,96%	3,63%	-34 điểm cơ bản	3,96%	3,63%	-34 điểm cơ bản
Nợ Nhóm 2/Tổng dư nợ	7,59%	6,36%	-124 điểm cơ bản	7,59%	6,36%	-124 điểm cơ bản
Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	1,06%	0,92%	-14 điểm cơ bản	1,06%	0,92%	-14 điểm cơ bản

Nguồn: VPB, Vietcap – \*Tỷ lệ CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ; \*\*Tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong quý 3/2023 và quý 3/2024 là mức tăng trưởng so với quý trước; tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong 9 tháng đầu năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024 là mức tăng trưởng trong 9 tháng